

Số: /KH-SCT

Gia Lai, ngày tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, Đề án 06 và An ninh mạng của Sở Công Thương năm 2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Chỉ thị số 57-CT/TW ngày 31/12/2025 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị;
- Kế hoạch hành động số 22-KH/TU ngày 03/9/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai;
- Kế hoạch số 42-KH/TU ngày 12/02/2026 của Tỉnh ủy triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026;
- Kế hoạch số 43-KH/TU ngày 13/02/2026 của Tỉnh ủy về triển khai thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tỉnh Gia Lai năm 2026;
- Thông báo số 01-TB/BCĐ ngày 07/8/2025 của Ban chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh thông báo phân công nhiệm vụ các thành viên;
- Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 19/01/2026 của UBND tỉnh về nâng cao chỉ số chuyển đổi số (DTI) của tỉnh;
- Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh, kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2026;
- Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh về việc giao 07 chỉ tiêu liên quan đến Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh trong năm 2026;
- Quyết định số 2681/QĐ-CAT-PA05 ngày 04/3/2026 của Công an tỉnh phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin;
- Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 19/3/2026 của UBND tỉnh thực hiện Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh năm 2026;

- Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 20/3/2026 của UBND tỉnh thực hiện Đề án “Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai” năm 2026;

- Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 20/3/2026 của UBND tỉnh phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 20/3/2026 của UBND tỉnh phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2030.

Sở Công Thương ban hành Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, Đề án 06 và An ninh mạng của Sở Công Thương năm 2026 để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Sở Công Thương tại các văn bản nêu trên, cụ thể như sau:

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Triển khai thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra giao cho Sở Công Thương chủ trì thực hiện trong Kế hoạch số 42-KH/TU ngày 12/02/2026 của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh và các văn bản chỉ đạo khác có liên quan đã giao cho Sở Công Thương. Xác định năm 2026 là giai đoạn tăng tốc, đưa khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trở thành động lực tăng trưởng thực chất, đóng góp trực tiếp vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số của tỉnh;

- Xác định nhiệm vụ cụ thể để các phòng, đơn vị thuộc Sở, đơn vị trực thuộc Sở thực hiện gắn với chức năng, nhiệm vụ của ngành Công Thương. Hiện thực hóa mục tiêu tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thúc đẩy phát triển các ngành Công nghiệp và Thương mại trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện chuyển đổi số trong các lĩnh vực hoạt động của Sở Công Thương, gắn với cải cách hành chính và Đề án 06, nâng cao hiệu quả quản lý và cung cấp dịch vụ công. Thúc đẩy các doanh nghiệp trên lĩnh vực Công Thương tăng cường ứng dụng công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về đóng góp tăng trưởng và hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn kỹ thuật

- Phát triển mạnh mẽ Thương mại điện tử; ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh; đóng góp vai trò chủ lực để tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của tỉnh đạt 15%.

- Đẩy mạnh hiện đại hóa phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trên cơ sở dữ liệu; ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, trợ lý ảo và các công nghệ hỗ trợ ra quyết định; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật.

2.2. Về chuyển đổi số

a) Hạ tầng số

- Hoàn thành phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn Hệ thống thông tin của Sở, triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử (*đối với hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước thì xử lý trên hệ thống/mạng phù hợp theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước*) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc;

- Đưa vào vận hành, khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung, bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

b) Chính quyền số

- Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện: 100%;

- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến: 99,7%;

- Hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến: $\geq 90\%$;

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến: 92%;

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính: 99,7%;

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công: 98%;

- Tỷ lệ cấp kết quả điện tử: 100%;

- Tỷ lệ DVC trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến: 100%;

- Tỷ lệ TTHC cung cấp thanh toán trực tuyến có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 100%;

- 100% thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý được thực hiện không phụ thuộc và địa giới hành chính;

- 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch;

- 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần: Không yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ trong trường hợp hệ thống thông tin phục vụ giải quyết TTHC đã kết nối, khai thác, sử dụng được dữ liệu từ CSDL quốc gia.

- Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại cơ quan theo quy định; 100% công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản.

c) Kinh tế số

- Phát triển mạnh mẽ Thương mại điện tử; ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng rộng rãi các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí và hoạt động kinh doanh, mua sắm của người dân và doanh nghiệp.

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ: 20%;

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử: 50%.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để thực hiện các mục tiêu trên, Sở Công Thương đề ra các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể theo từng lĩnh vực như sau:

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành

- Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, đề án 06 và cải cách hành chính của Sở chỉ đạo, cụ thể hóa nhiệm vụ tại Kế hoạch số 42-KH/TU ngày 12/02/2026 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh và các văn bản chỉ đạo khác của cấp có thẩm quyền; phân công nhiệm vụ, trách nhiệm rõ ràng, cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng phòng, đơn vị; bảo đảm thống nhất, đồng bộ và hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

- Các phòng, đơn vị chủ động rà soát và xác định các nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của phòng, đơn vị để tập trung chỉ đạo và thực hiện theo nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”. Trưởng các phòng, đơn vị chịu trách nhiệm toàn diện trước Giám đốc Sở về tiến độ, chất lượng triển khai các nhiệm vụ được giao; kết quả thực hiện nhiệm vụ là cơ sở đánh giá năng lực và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của lãnh đạo, công chức, viên chức năm 2026 và các năm tiếp theo.

2. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết số 11/NQ-CP, Kế hoạch hành động số 22/KH-TU, Kế hoạch số 42/KH-TU và các nội dung liên quan đến công chức, viên chức, người lao động Sở Công Thương và người dân, doanh nghiệp.

b) Tiếp tục rà soát, kiện toàn và quy định trách nhiệm thành viên Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan; quy định trách nhiệm của công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hằng năm của cơ quan.

c) Triển khai thường xuyên, liên tục phong trào “Bình dân học vụ số”; phổ cập và nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong công chức, viên chức và người lao động của cơ quan theo hướng dẫn của cơ quan, cấp có thẩm quyền.

d) Rà soát cử công chức, viên chức tham gia chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản;

e) Phổ biến các kiến thức về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kiến thức, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực Công Thương;

f) Định kỳ hằng năm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của các tập thể, cá nhân liên quan; kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí để xem xét đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm của người đứng đầu, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ chuyển đổi số.

3. Hoàn thiện các thể chế, chính sách cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ; tái sử dụng dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

b) Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh theo quy định của UBND tỉnh.

4. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Triển khai thực hiện các chương trình, đề án phát triển hạ tầng năng lượng:

- Triển khai thực hiện các quy hoạch, kế hoạch đã được duyệt: Triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII tại Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024; bổ sung, cập nhật Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII tại Quyết định số 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024 và Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 đã được Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1509/QĐ-BCT ngày 30/5/2025 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh.

- Thúc đẩy phát triển hạ tầng năng lượng để đảm bảo an ninh năng lượng:

+ Phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan thúc đẩy triển khai các dự án điện trên địa bàn tỉnh có trong các Quy hoạch, Kế hoạch thực hiện quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Phối hợp rà soát điều chỉnh, cập nhật phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh Gia Lai.

+ Tuyên truyền, hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh chấp hành thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn điện, sử dụng điện tiết kiệm nhằm góp phần đảm bảo cung cấp điện liên tục, ổn định.

b) Triển khai thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của tỉnh thuộc phạm vi quản lý ngành Công Thương để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và các ngành công nghệ chiến lược.

c) Hạ tầng công nghệ thông tin: Chú trọng đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin hoặc thuê hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị phục vụ Chính phủ điện tử, tiến tới Chính phủ số.

d) Nâng cấp, mở rộng hạ tầng công nghệ thông tin tại Sở, bảo đảm khả năng xử lý phục vụ chuyển đổi số và nhu cầu sử dụng của cơ quan. Ưu tiên triển khai giải pháp cho hạ tầng CNTT của Sở để mở rộng linh hoạt và kết nối an toàn với hạ tầng tỉnh. Đảm bảo kiến trúc kỹ thuật đảm bảo liên thông dữ liệu từ Sở Công Thương đến các hệ thống, nền tảng số của tỉnh triển khai.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số

5.1. Về hạ tầng số

a) Nâng cấp, thay thế hoặc bổ sung trang thiết bị công nghệ thông tin đã xuống cấp; trang bị máy tính cấu hình tối thiểu và thiết bị làm việc thiết yếu.

b) Bố trí công chức phục trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với khối lượng công việc.

c) Tiếp tục rà soát, cấp đầy đủ chứng thư số cho lãnh đạo và công chức chuyên môn.

5.2. Phát triển kinh tế số

a) Triển khai có hiệu quả Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Gia Lai năm 2026; xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững.

b) Tăng cường đưa sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử; khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các hộ kinh doanh, doanh nghiệp, hộ sản xuất nông nghiệp tham gia, giao dịch, kinh doanh. Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử.

c) Thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

d) Tham mưu UBND tỉnh xây dựng, ban hành chương trình đẩy mạnh sản xuất thông minh.

6. Triển khai nền tảng, ứng dụng số; thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

a) Tiếp tục khai thác sử dụng các hệ thống thông tin, CSDL, các nền tảng phục vụ ứng dụng trong công tác quản lý, điều hành, báo cáo, thống kê, làm việc từ xa do Trung ương, tỉnh triển khai như: Văn phòng điện tử; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; Phần mềm cơ sở dữ liệu TTHC; Hệ thống Thông tin Báo cáo Chính phủ (về Kiểm soát TTHC); Hệ thống đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp; Hệ thống CSDL Giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo; Phần mềm quản lý công chức, viên chức; Phần mềm quản lý tài sản; Phần mềm Kế toán; Phần mềm báo cáo công tác phòng chống thiên tai;...

b) Nghiên cứu, triển khai đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, nhất là để triển khai DVCTT toàn trình cho các TTHC chưa đủ điều kiện.

c) Triển khai rà soát thủ tục hành chính để xem xét các thành phần hồ sơ liên quan đến dữ liệu Trung ương hoặc dữ liệu chuyên ngành của tỉnh để đề xuất việc khai thác, tái sử dụng dữ liệu.

d) Tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; Số hóa đầy đủ thành phần hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính để làm giàu dữ liệu và phục vụ tái sử dụng thông tin. Thực hiện nghiêm nguyên tắc chỉ cung cấp thông tin một lần; Không yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ trong trường hợp hệ thống thông tin phục vụ giải quyết TTHC đã kết nối, khai thác, sử dụng được dữ liệu từ CSDL quốc gia.

7. Phát triển dữ liệu số

a) Triển khai cập nhật dữ liệu cho các CSDL quốc gia, CSDL ngành do các bộ, ngành triển khai. Cung cấp dữ liệu mở thuộc phạm vi quản lý phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

b) Tập trung số hóa, khai thác, tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

c) Triển khai các nền tảng số dùng chung theo Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng.

d) Phối hợp chặt chẽ với Công an tỉnh trong triển khai xây dựng Chiến lược dữ liệu của tỉnh.

8. An toàn thông tin mạng

a) Quán triệt nguyên tắc “An ninh mạng là điều kiện tiên quyết của chuyển đổi số”. Rà soát, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin; Triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt.

b) Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý (tối thiểu 01 lần/02 năm).

c) Đầu tư trang bị thiết bị và bản quyền thiết bị tường lửa, phần mềm chống virus, phần mềm bảo đảm an toàn thông tin, sao lưu dữ liệu.

d) Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng về an toàn thông tin cho công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị trực thuộc.

e) Tuân thủ quy chế quản lý, vận hành hệ thống CNTT và dữ liệu, quy định về sử dụng chữ ký số và xác thực điện tử trong các quy trình công tác. Phối hợp với Công an tỉnh và Sở KHCN để được hướng dẫn, hỗ trợ về bảo mật, phòng chống tấn công mạng.

9. Nhân lực số

a) Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ công chức, viên chức công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cơ quan để đảm bảo lực lượng tham mưu công tác quản lý và trực tiếp vận hành các hệ thống công nghệ thông tin, thực hiện Chuyển đổi số.

b) Tham gia tập huấn các chuyên đề kiến thức cơ bản về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; Các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu về công nghệ thông tin, an toàn thông tin cho công chức, viên chức trong cơ quan.

c) Chủ trì, tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về thương mại điện tử cho cán bộ các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp và Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

(Có danh mục nhiệm vụ cụ thể về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của ngành Công Thương kèm theo văn bản này)

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Các phòng, đơn vị thuộc Sở thực hiện báo cáo tình hình triển khai, kết quả thực hiện từng nhiệm vụ được giao theo định kỳ, đột xuất, gửi về Văn phòng Sở để tổng hợp, báo cáo đúng thời gian theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Lãnh đạo Sở: Giám đốc Sở Công Thương chịu trách nhiệm chỉ đạo toàn diện việc thực hiện kế hoạch. Các Phó Giám đốc Sở được phân công phụ trách từng lĩnh vực công việc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về kết quả thực hiện.

2. Các phòng chuyên môn: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động chủ trì phối hợp triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ đã nêu trong kế hoạch. Mỗi nhiệm vụ được giao cho phòng, phải được phân công cụ thể lãnh đạo phòng và công chức phụ trách để thực hiện.

Thường xuyên phối hợp với Văn phòng Sở để trao đổi, tham mưu xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai nhiệm vụ, bảo đảm việc thực hiện đồng bộ; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng quá hạn hoặc tồn đọng nhiệm vụ do chậm báo cáo, tham mưu, đề xuất. Kịp thời cung cấp thông tin tiến độ, kết quả triển khai các nhiệm vụ được giao trên Hệ thống giám sát nhiệm vụ Nghị quyết số 57-NQ/TW (<https://nq57.gialai.gov.vn>) của tỉnh.

3. Văn phòng Sở: Là đầu mối; theo dõi, đôn đốc các phòng triển khai thực hiện kế hoạch. Văn phòng tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện kế hoạch.

4. Phối hợp liên ngành: Sở Công Thương phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND Tỉnh, Công an Tỉnh và các sở, ban, ngành liên quan, các doanh nghiệp trong quá trình thực hiện những nhiệm vụ có tính liên ngành. Tham gia đầy đủ các cuộc họp, tập huấn do UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức; đồng thời mời các sở, ngành liên quan tham gia các hoạt động do Sở Công Thương chủ trì khi cần thiết.

Trên đây là Kế hoạch của Sở Công Thương về triển khai nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, Đề án 06 và An ninh mạng năm 2026. Việc điều chỉnh (nếu có) phải được báo cáo và xin ý kiến Giám đốc Sở trước khi thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu VT.VP.

GIÁM ĐỐC

Dương Minh Đức